

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 23/9/2023

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Ông Trương Công Thi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh, Kiểm sát viên.

Bị cáo: Lê Thị Thảo N, sinh ngày 03/03/1994 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: K984/8 Q, tổ F phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Kinh doanh bất động sản; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công T (c) và bà Nguyễn Thị H2 (s); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/6/2022, có mặt.

2/ Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1970. Nơi cư trú: 22 đường P, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Minh T1, có mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị Thạch B, sinh năm 1986. Nơi cư trú: 44 đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

4/ Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ C, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B và ông H: Luật sư Trương Công S - Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Đ (địa chỉ tầng A, số E N, quận H, tp Đà Nẵng) được thành lập ngày 24/10/2018. Đến ngày 09/10/2020, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đ1, kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn, môi giới, đầu tư bất động sản, đầu tư quyền sử dụng đất.

Lê Thị Thảo N là trưởng phòng kinh doanh của Công ty Đ, đến tháng 12/2018 N được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty Đ - Chi nhánh Q. Trong quá trình làm việc, N đã tư vấn cho nhiều khách hàng mua bất động sản FLC của Công ty Cổ phần T3, N có trách nhiệm đôn đốc khách hàng đóng tiền tiền độ dự án theo thông báo của chủ đầu tư FLC. Đến tháng 01/2021, do thua lỗ trong làm ăn, mặc dù không có thông báo của chủ đầu tư FLC, nhưng N đã đưa ra thông tin gian dối yêu cầu khách hàng chuyển tiền tiền độ dự án để chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể:

1. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Thái V2 (sinh năm 1985, trú tại A Đ, quận S, tp Đà Nẵng) số tiền 3.172.566.899 đồng.

Tháng 11/2018, Lê Thị Thảo N, lúc này là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty Đ đã giới thiệu, tư vấn cho ông Nguyễn Thái V2 ký hợp đồng đặt chỗ với Công ty Đ và đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng để mua bất động sản ký hiệu IV-SH.03.01 đối với dự án trên. Thông qua Công ty Đ, ngày 06/12/2018, anh V2 đã ký văn bản thỏa thuận đồng ý trả tiền chi phí, dịch vụ giới thiệu, tư vấn các thông tin cho Công ty TNHH T3 (địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) với số tiền 793.880.000 đồng. Sau khi ký văn bản thỏa thuận này, Công ty Đ đã nhiều lần thu tiền tiền độ của ông Nguyễn Thái V2 với tổng số tiền là 2.457.522.000 đồng và đã nộp về cho Công ty TNHH T3.

Đến tháng 12/2018, Lê Thị Thảo N được bổ nhiệm làm giám đốc Công ty Cổ phần Đ - Chi nhánh Q (Công ty con của Công ty Đ), đến tháng 10/2020 Công ty này tạm ngừng hoạt động và Công ty Đ đã có thông báo cho Lê Thị Thảo N nộp lại con dấu của Công ty nhưng N không thực hiện. Do làm ăn thua lỗ và biết ông V2 đã ký hợp đồng mua bất động sản dự án FLC Q, nên tháng 4/2021 Lê Thị Thảo N đã điện thoại yêu cầu anh V2 đóng tiền tiền độ để được hưởng chiếc khấu của chủ đầu tư. Tin lời N nói, từ tháng 4/2021 đến ngày 13/5/2021, ông V2 đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Đ - Chi nhánh Q và tài khoản cá nhân của Lê Thị Thảo N số tiền tổng cộng 3.172.566.889 đồng. Lê Thị Thảo N đã sử dụng con dấu của Công ty Đ chi nhánh Q thực hiện các thủ tục rút tiền từ tài khoản Công ty Đ - Chi nhánh Q nộp tiền vào tài khoản cá nhân của Lê Thị Thảo N sau đó N sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

2. Chiếm đoạt của ông Hồ Cao S1 (sinh năm 1982, trú tại 5 N, phường N, tp Q, tỉnh Quảng Ngãi) số tiền 952.600.000 đồng.

Ngày 12/8/2019, Lê Thị Thảo N tư vấn cho ông Hồ Cao S1 ký bản đăng ký mua số 8.SH.33-18/BĐK/2019/FLCQUANGNGAI để mua bất động sản ký hiệu 8.SH.33-18 tại dự án khu đô thị V có địa chỉ tại khu đô thị M thuộc địa bàn các xã B, B, B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi ký văn bản này, ông S1 đã chuyển cho Lê Thị Thảo N 524.500.000 đồng để đóng tiền tiền độ dự án. N đã chuyển số tiền này cho Công ty Cổ phần Đ2 theo đúng thỏa thuận, ngày 03/9/2019, ông S1 ký biên bản thỏa thuận số 8.SH.33-18/BBTT/2019/FLCQUANGNGAI với Công ty Cổ phần Đ2, tại biên bản này công ty xác nhận ông S1 đã đóng 524.500.000 đồng để mua bất động sản như trong bản đăng ký.

Đến tháng 01/2021, mặc dù không có thông báo về việc đóng tiền tiền độ dự án của chủ đầu tư, nhưng N đưa ra thông tin gian dối về việc có thông báo của T3 và yêu cầu ông S1 đóng tiền sớm, hoàn thiện giấy tờ rồi N sẽ bán lại cho người khác giúp cho ông S1. Tin lời N nói là thật, nên từ ngày 21/01/2021 đến 26/02/2021 anh Hồ Cao S1 đã chuyển cho Lê Thị Thảo N 852.600.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của Lê Thị Thảo N tại Ngân hàng C và Ngân hàng N1. Ngoài ra, ông S1 có đưa cho N 100.000.000 đồng để cọc mua thêm một bất động sản khác của T3, nhưng sau đó ông S1 không muốn mua nữa và yêu cầu được nhận lại tiền, nhưng N nói giữ lại 100.000.000 đồng này để đóng vào lần đóng tiền độ tiếp theo của bất động sản ký hiệu 8.SH.33-18, nhưng N không thực hiện mà chiếm đoạt.

Tổng số tiền Lê Thị Thảo N chiếm đoạt của ông Hồ Cao S1 là 952.600.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, N sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Sau đó, N có khắc phục trả lại cho ông S1 855.000.000 đồng. Còn lại 97.600.000 đồng chưa trả.

Do không cung cấp được sản phẩm FLC như trong biên bản thỏa thuận, nên ngày 03/5/2022 Công ty Cổ phần Đ2 và ông Hồ Cao S1 đã ký biên bản thanh lý biên bản thỏa thuận, đến nay Công ty Đ2 đã hoàn trả số tiền 524.500.000 đồng cho ông Hồ Cao S1.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tuyên buộc Lê Thị Thảo N hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Lê Thị Thảo N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Lê Thị Thảo N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thị Thảo N 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 28/6/2022.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H4 phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 127.000.000 (một trăm hai mươi bảy triệu) đồng.

Buộc bà Lê Thị Hồng V phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Buộc bà Hồ Thị Thu H5 phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 155.000.000 (một trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H1 phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 570.600.072 (năm trăm bảy mươi triệu, sáu trăm nghìn, bảy mươi hai) đồng.

Buộc ông Nguyễn Tấn H phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 1.070.000.000 (một tỷ, bảy mươi triệu) đồng,

Buộc bà Trần Thị Hồng L phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 145.000.000 (một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thạch B phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 390.250.000 (ba trăm chín mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bị hại Nguyễn Thái V2 được nhận số tiền 2.537.850.072 (hai tỷ năm trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn, bảy mươi hai) đồng mà các ông (bà) Nguyễn Thị Thu H4, Lê Thị Hồng V, Hồ Thị Thu H5, Nguyễn Thị Mỹ H1, Nguyễn Tấn H, Trần Thị Hồng L, Nguyễn Thị Thạch B có nghĩa vụ phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự nêu trên.

Buộc bị cáo Lê Thị Thảo N phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Thái V2 số tiền 534.716.827 (năm trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, tám trăm hai mươi bảy) đồng và tiếp tục bồi thường cho bị hại Hồ C số tiền: 97.600.000 (chín mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo và bị hại không kháng cáo, nhưng có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo như sau:

- Ngày 20/6/2023, ông Nguyễn Tấn H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không buộc ông H phải nộp số tiền 1.070.000.000 đồng cho Cơ quan thi hành án. Buộc bị cáo Lê Thị Thảo N phải trả cho ông H 672.000.000 đồng, trong đó 630.000.000 đồng tiền nợ gốc và 42.000.000 đồng tiền lãi.

- Ngày 21/6/2023, bà Nguyễn Thị Thạch B có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo Lê Thị Thảo N chuyển tiền trả nợ cho bà B, bà B không biết việc bị cáo N lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Thái V2, không đồng ý việc buộc bà B phải nộp lại số tiền bị cáo N đã trả nợ cho Cơ quan thi hành án.

- Ngày 23/6/2023, bà Lê Thị Hồng V có đơn kháng cáo với nội dung: Việc bị cáo Lê Thị Thảo N mượn và trả tiền cho bà V không liên quan đến việc bị cáo N chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Thái V2. Không có cơ sở xác định bị cáo N chiếm đoạt tiền của ông V2 trả cho bà V. Không đồng ý việc buộc bà V nộp lại số tiền 80.000.000 đồng cho Cơ quan thi hành án.

- Ngày 23/6/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng bảo vệ người thứ ba ngay tình là bà H1, không buộc nộp lại số tiền 570.600.072 đồng do bị cáo Lê Thị Thảo N hoàn trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị Thạch B, bà Lê Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Mỹ H1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trong đơn đã nêu, đề nghị xem xét sửa án sơ thẩm, không buộc những người liên quan phải nộp lại tiền mà bị cáo N đã trả nợ cho những người liên quan do vay mượn trước đây.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thạch B và ông Nguyễn Tấn H có ý kiến: Bị cáo không nhớ là lấy tiền ông V2 trả cho những người liên quan trong thời gian nào; những người liên quan nộp tiền cho bị cáo để thực hiện dự án nhưng không thực hiện được nên đổi lại dự án khác và bị cáo yêu cầu những người này nộp thêm tiền. Sau đó do không thực hiện được dự án nào cả nên bị cáo đã hoàn lại số tiền trên cho những người này. Vì vậy, không có cơ sở là bị cáo lấy tiền của ông V2 để trả cho những người này, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thạch B và ông Nguyễn Tấn H, không buộc những người này phải nộp lại tiền mà bị cáo đã hoàn cho họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm: Kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị Thạch B, bà Lê Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Mỹ H1 là hợp lệ đúng pháp luật được xem xét theo thủ tục phúc thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị xem xét sửa án sơ thẩm, không buộc họ phải nộp lại tiền mà bị cáo N đã trả cho họ do vay mượn trước đây. Tại phiên tòa hôm nay, qua tranh luận xét thấy việc điều tra là đầy đủ, toàn diện. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị Thạch B, bà Lê Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Mỹ H1 phải nộp lại tiền mà bị cáo N đã trả cho họ do vay mượn trước đây là có căn cứ, vì tiền đó là tang vật của vụ án do bị cáo N lừa đảo của người bị hại nên phải trả lại cho người bị hại. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị sửa án sơ thẩm, nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới làm thay đổi bản chất vụ án và đường lối xét xử của cấp sơ thẩm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Thảo N thừa nhận toàn bộ hành vi như án sơ thẩm đã nêu. Xét thấy, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng tại cơ quan điều tra và các chứng cứ đã thu thập được. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh kết luận: Dù Công ty Đ - Chi nhánh Q đã tạm dừng hoạt động và Lê Thị Thảo N không còn là giám đốc, nhưng N vẫn yêu cầu ông Nguyễn Thái V2 đóng tiền theo tiến độ mua bất động sản để được hưởng chiết khấu, nên từ tháng 4/2021 đến ngày 13/5/2021, ông V2 đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Đ - Chi nhánh Q và tài khoản cá nhân của Lê Thị Thảo N số

tiền tổng cộng 3.172.566.889 đồng. Lê Thị Thảo N đã sử dụng con dấu của Công ty Đ - Chi nhánh Q thực hiện các thủ tục rút tiền từ tài khoản Công ty Đ - Chi nhánh Q nộp tiền vào tài khoản cá nhân của Lê Thị Thảo N để N sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân, sau đó trả lại cho ông V2 100.000.000 đồng, nên còn chiếm đoạt 3.072.566.889 đồng.

[2] Ngoài hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 3.172.566.889 đồng của ông V2 nêu trên, từ tháng 01/2021 đến ngày 26/02/2021 Lê Thị Thảo N còn đưa ra thông tin gian dối là Công ty Cổ phần Đ2 có thông báo thu tiền để ông Hồ Cao S1 nộp tiền mua bất động sản và bị cáo chiếm đoạt 925.600.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân, sau đó đã khắc phục 855.000.000 đồng, còn lại 97.600.000 đồng.

[3] Như vậy, tổng số tiền Lê Thị Thảo N chiếm đoạt của ông V2 và ông S1 là 4.098.166.889 đồng (3.172.566.899 đồng + 925.600.000 đồng), đã khắc phục 955.000.000 đồng (ông V2 100.000.000 đồng và ông S1 855.000.000 đồng), còn lại 3.170.166.899 đồng chưa trả lại cho các bị hại.

[4] Với hành vi và hậu quả như trên: Toà án cấp sơ thẩm xem xét đánh giá động cơ, mục đích phạm tội; tính chất, mức độ của tội phạm; vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị Thảo N 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[5] Về trách nhiệm dân sự, án sơ thẩm nhận định trước đó N nhận tiền của nhiều người là khách hàng để mua sản phẩm FLC nhưng không mua mà tiêu xài hết nên đã lừa đảo lấy tiền của ông V2 để trả nợ cho những người này. Vì vậy, án sơ thẩm buộc những người liên quan phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền trên cho ông V2 là 2.537.850.072 đồng, trong đó: bà Nguyễn Thị Thu H4 127.000.000 đồng, bà Lê Thị Hồng V 80.000.000 đồng, bà Hồ Thị Thu H5 155.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 570.600.072 đồng, ông Nguyễn Tấn H 1.070.000.000 đồng, bà Trần Thị Hồng L 145.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thạch B 390.250.000 đồng. Số tiền còn lại 632.316.827 đồng buộc bị cáo N trả lại cho các bị hại, trong đó của ông V2 534.716.827 đồng và ông S1 97.600.000 đồng.

[6] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N và các bị hại không kháng cáo, nhưng có 04/08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả nợ cho các bị hại, còn bản thân họ cũng là bị hại, đã được bị cáo trả nợ, nên không thể buộc họ hoàn lại số tiền mà bị cáo đã bồi thường.

[7] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị Thạch B, bà Lê Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Mỹ H1; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[7.1] Căn cứ vào lời khai của bị cáo Lê Thị Thảo N, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sao kê ngân hàng thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã kết luận tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự và đề nghị truy tố số 153 ngày 15/12/2022 có nội dung “từ ngày 07/4/2021 đến ngày 13/5/2021 ông V2 đã chuyển vào tài khoản Công ty Đ - Chi nhánh Q và tài khoản cá nhân của Lê Thị Thảo N tại Ngân hàng V3 tổng cộng 3.172.566.889

đồng. Sau đó lợi dụng con dấu Công ty Đ – Chi nhánh Q và tài khoản ngân hàng của công ty mà N đang quản lý, Lê Thị Thảo N đã làm các thủ tục tại ngân hàng để rút, sử dụng vào việc tiêu xài và trả nợ cho các cá nhân mà N đã nhận tiền để mua sản phẩm FLC nhưng không thực hiện được như: trả cho bà Nguyễn Thị Thu H4 (trú tổ B Q, tp Q) 127.000.000 đồng, trả cho bà Lê Thị Hồng V (22 N, tp Q) 80.000.000 đồng; bà Hồ Thị Thu H5 (trú D T, quận C, tp Đà Nẵng) 155.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (trú E M, tp Đ, tỉnh Lâm Đồng) 570.600.072 đồng; ông Nguyễn Tấn H (trú 206 Trương Quang T2) 1.070.000.000 đồng; bà Trần Thị Hồng L (trú tổ 22c Hòa Thuận T, tp Đà Nẵng) 145.000.000 đồng; và trả nợ vay của Nguyễn Thị Thạch B (44 N, tp Q) 390.250.000 đồng. Cơ quan CSĐT đã yêu cầu những người trên giao nộp nhưng họ cho rằng đây là tiền N hoàn trả do không mua được sản phẩm FLC như cam kết nên không giao nộp”.

[7.2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo N thừa nhận là lấy tiền của ông V2 để trả nợ cho những người kháng cáo, nay Toà án buộc những người này giao nộp lại để trả cho ông V2 là thoả đáng. Bị cáo hứa là sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền nợ cho tất cả những người liên quan trong thời gian sớm nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng: Điều 89 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: *“Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”*; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự quy định: *“Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp”*; Điều 167 Bộ luật dân sự quy định: *“Chủ sở hữu có quyền đòi lại động sản không phải đăng ký quyền sở hữu từ người chiếm hữu ngay tình trong trường hợp người chiếm hữu ngay tình có được động sản này thông qua hợp đồng không có đền bù với người không có quyền định đoạt tài sản; trường hợp hợp đồng này là hợp đồng có đền bù thì chủ sở hữu có quyền đòi lại động sản nếu động sản đó bị lấy cắp, bị mất hoặc trường hợp khác bị chiếm hữu ngoài ý chí của chủ sở hữu”*. Trong vụ án này có 02 người bị hại là ông Nguyễn Thái V2 và ông Hồ Cao S1, nhưng bị cáo chỉ lấy tiền của ông V2 trả cho những người liên quan, nên Toà án cấp sơ thẩm buộc những người này giao nộp để trả lại cho ông V2 là có căn cứ.

[8] Từ những nhận định trên đây, xét thấy số tiền 3.172.566.889 đồng bị cáo Lê Thị Thảo N chiếm đoạt của ông V2 là tiền do phạm tội mà có và đây cũng là vật chứng của vụ án nên Toà án cấp sơ thẩm thu hồi trả lại cho người bị hại là có căn cứ pháp luật. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị Thạch B, bà Lê Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Mỹ H1 kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án và đường lối xét xử của cấp sơ thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của Luật sư; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Tuy kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị Thạch B, bà Lê Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Mỹ H1 không được chấp nhận, nhưng không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị Thạch B, bà Lê Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Mỹ H1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tuyên bố: Lê Thị Thảo N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thị Thảo N 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 28/6/2022.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Buộc bà Lê Thị Hồng V phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H1 phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 570.600.072 (năm trăm bảy mươi triệu, sáu trăm nghìn, bảy mươi hai) đồng.

Buộc ông Nguyễn Tấn H phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 1.070.000.000 (một tỷ, bảy mươi triệu) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thạch B phải nộp lại tại cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 390.250.000 (ba trăm chín mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

2/ Án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn H, bà Nguyễn Thị Thạch B, bà Lê Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị Mỹ H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt, về xử lý vật chứng; trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (23/9/2023).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng (02);
- Công an thành phố Đà Nẵng (03);
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Trại giam Kim Sơn (TG giao cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường